



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO
DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI**
**Báo cáo tài chính hợp nhất
giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 4
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	
• Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	6 - 7
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	9 - 10
• Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11 - 43

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023 đã được soát xét.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1575/QĐ-TC ngày 29/03/2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 24/05/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 13 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101493714) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 22/02/2023.

Công ty đã niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 21/12/2006 với mã chứng khoán là EBS.

Vốn điều lệ: 102.194.840.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 30/06/2022: 102.194.840.000 đồng, trong đó tỷ lệ phần vốn của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam là 26%.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: Nhà D tầng 2 khu VP Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: (84) 0243.7925308
Fax: (84) 0243.7925309
- Website: www.sachgiaoduchanoi.vn

Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh sách giáo dục, sách khác, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh, đĩa CD và các xuất bản phẩm khác được phép lưu hành;
- Kinh doanh văn phòng phẩm;
- Mua bán đồ dùng cá nhân và gia đình;
- Mua bán máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế;
- Sản xuất, mua bán thiết bị dạy học;
- In ấn và dịch vụ liên quan đến in;
- Giáo dục và đào tạo: giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, đào tạo cao đẳng, đại học và sau đại học (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép), dịch vụ hỗ trợ;
- Xây dựng nhà, văn phòng (chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật);
- Hoạt động kinh doanh bất động sản: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ: tư vấn công nghệ, tư vấn môi trường (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán).

Các Công ty con:

Công ty CP Năng lượng EBS Solar Việt Nam

- Địa chỉ trụ sở chính: Nhà D tầng 2, khu VP Vinaconex 1, 289 A Khuất Duy Tiến, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Truyền tải và phân phối điện (Chi tiết: Bán buôn, bán lẻ điện); Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Bán buôn thiết bị, vật tư phục vụ điện năng lượng mặt trời); Sản xuất điện.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 67,48%;
- Quyền biểu quyết của Công ty: 67,48%.

Công ty CP Năng lượng EBS Solar Phương Nam

- Địa chỉ trụ sở chính: Ấp 7, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Truyền tải và phân phối điện (Chi tiết: Bán buôn, bán lẻ điện); Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Bán buôn thiết bị, vật tư phục vụ điện năng lượng mặt trời); Sản xuất điện.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 47,23%;
- Quyền biểu quyết của Công ty: 70,00%.

Công ty CP Năng lượng EBS Solar Khánh An

- Địa chỉ trụ sở chính: Ấp 7, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Truyền tải và phân phối điện (Chi tiết: Bán buôn, bán lẻ điện); Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Bán buôn thiết bị, vật tư phục vụ điện năng lượng mặt trời); Sản xuất điện.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 47,23%;
- Quyền biểu quyết của Công ty: 70,00%.

Các Công ty liên kết:

Công ty CP Phát hành Sách giáo dục

- Địa chỉ trụ sở chính: Nhà D tầng 2, khu VP Vinaconex 1, 289 A Khuất Duy Tiến, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Xuất bản và phát hành sách;
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 21,82%.
- Quyền biểu quyết của Công ty: 21,82%.

Công ty CP Đại Dương Solar

- Địa chỉ trụ sở chính: Ấp 7, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Ngành nghề kinh doanh chính: Truyền tải và phân phối điện (Chi tiết: Bán buôn, bán lẻ điện); Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Bán buôn thiết bị, vật tư phục vụ điện năng lượng mặt trời); Sản xuất điện.
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 33,70%.
- Quyền biểu quyết của Công ty: 49,95%.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến ngày 30/06/2023 là 53 người, trong đó, cán bộ quản lý là 14 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|--------------------------|--------------|--------------------------|
| • Ông Ngô Trọng Vinh | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 27/06/2019 |
| • Ông Ngô Anh Phương | Phó Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 27/06/2019 |
| • Ông Nguyễn Thanh Tùng | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 17/04/2020 |
| • Bà Lâm Quỳnh Hương | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 27/06/2019 |
| • Bà Ngô Thị Thanh Huyền | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 27/06/2019 |
| • Bà Ngô Phương Anh | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 27/06/2019 |
| • Ông Tô Thanh Bình | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 27/06/2019 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|-----------------------|------------|----------------------------|
| • Ông Nguyễn Trọng Hà | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 17/04/2020 |
| • Ông Trần Văn Qué | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 27/06/2019 |
| • Bà Nguyễn Thị Mai | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 18/04/2023 |
| • Bà Lý Thúy Lan | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 17/04/2020 |
| | | Miễn nhiệm ngày 18/04/2023 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|-------------------------|-------------------|--------------------------|
| • Ông Nguyễn Thanh Tùng | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 02/09/2019 |
| • Ông Ngô Trọng Vinh | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 27/06/2019 |
| • Bà Đặng Thị Như | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 27/04/2021 |
| • Bà Nguyễn Thị Hoa | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 27/04/2021 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80 Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30/06/2023 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Tùng

Hà Nội, ngày 18 tháng 08 năm 2023



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 958/BCSX-AAC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ lập ngày 18/08/2023 của Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 6 đến trang 43, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 “Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện”.

Công việc soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có vấn đề gì để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30/06/2023 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



Trần Thị Phương Lan – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0396-2023-010-1

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 08 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 01-DN/HN

Ban hành theo TT số 202/2014/TT - BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		109.675.534.138	116.455.127.134
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	8.654.752.508	14.073.678.513
1. Tiền	111		6.654.752.508	8.073.678.513
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.000.000.000	6.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		166.413.416	2.318.129.715
1. Chứng khoán kinh doanh	121	15.a	184.329.341	1.669.300.200
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	15.a	(17.915.925)	(351.170.485)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	1.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		80.411.821.033	81.388.716.845
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	43.653.919.924	41.772.630.801
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	271.651.173	334.922.669
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	35.220.000.000	35.220.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9.a	9.969.283.660	12.142.016.440
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(8.703.033.724)	(8.080.853.065)
IV. Hàng tồn kho	140	11	18.102.910.262	15.548.634.330
1. Hàng tồn kho	141		19.636.783.851	16.986.454.408
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.533.873.589)	(1.437.820.078)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.339.636.919	3.125.967.731
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.a	239.384.688	491.433.180
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.100.252.231	2.634.534.551
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		78.509.683.169	79.886.499.783
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		62.900.000	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	9.b	62.900.000	-
II. Tài sản cố định	220		38.805.526.432	39.400.279.129
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	38.805.526.432	39.400.279.129
- Nguyên giá	222		50.531.949.228	49.925.570.137
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.726.422.796)	(10.525.291.008)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	-	-
- Nguyên giá	228		63.000.000	63.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(63.000.000)	(63.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		30.935.112.621	30.991.307.515
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	15.b	28.185.112.621	28.241.307.515
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	15.c	2.750.000.000	2.750.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		8.706.144.116	9.494.913.139
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.b	8.706.144.116	9.494.913.139
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		188.185.217.307	196.341.626.917

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
C. Nợ phải trả	300		42.764.336.116	46.947.752.744
I. Nợ ngắn hạn	310		34.769.642.923	37.788.818.892
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	13.195.800.795	22.571.738.283
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.000.579.772	770.827.222
3. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	17	735.859.068	1.301.125.638
4. Phải trả người lao động	314		4.866.672.211	3.234.247.157
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	6.584.003.011	1.568.506.225
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19.a	5.760.348.007	5.741.693.956
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20.a	2.327.628.000	2.327.628.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		298.752.059	273.052.411
II. Nợ dài hạn	330		7.994.693.193	9.158.933.852
1. Phải trả dài hạn khác	337	19.b	46.000.000	46.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20.b	7.947.271.000	9.111.085.000
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		1.422.193	1.848.852
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		145.420.881.191	149.393.874.173
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	145.420.881.191	149.393.874.173
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	21	102.194.840.000	102.194.840.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		102.194.840.000	102.194.840.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	21	669.277.482	669.277.482
3. Cổ phiếu quỹ	415	21	(2.116.606.556)	(2.116.606.556)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	21	14.132.164.715	14.077.139.891
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21	16.407.409.531	21.844.244.990
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		12.557.924.118	9.722.747.243
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.849.485.413	12.121.497.747
6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	21	14.133.796.019	12.724.978.365
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		188.185.217.307	196.341.626.917



Nguyễn Thanh Tùng

Hà Nội, ngày 18 tháng 08 năm 2023

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoa

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hoa

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Mẫu số B 02-DN/HN
Ban hành theo TT số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2023 VND	6 tháng đầu năm 2022 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	43.519.895.993	66.061.927.807
2. Các khoản giảm trừ	02		76.257.180	57.657.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và c.cấp dịch vụ	10		43.443.638.813	66.004.270.807
4. Giá vốn hàng bán	11	23	29.282.258.674	47.714.743.630
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và c.cấp dịch vụ	20		14.161.380.139	18.289.527.177
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	2.668.620.503	3.455.873.681
7. Chi phí tài chính	22	25	623.139.350	825.713.422
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		667.280.764	698.054.927
8. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, l.doanh	24		(56.194.893)	254.181.644
9. Chi phí bán hàng	25	26.a	6.523.330.250	7.451.935.768
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26.b	3.650.081.846	3.462.780.829
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.977.254.303	10.259.152.483
12. Thu nhập khác	31		1.863.433	112.858.182
13. Chi phí khác	32		1.250	44.073.593
14. Lợi nhuận khác	40		1.862.183	68.784.589
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.979.116.486	10.327.937.072
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	721.240.078	1.182.022.739
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(426.659)	2.467.283
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		5.258.303.067	9.143.447.050
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		3.849.485.413	6.795.894.956
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.408.817.654	2.347.552.094
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	386	675
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	28	386	675



Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Tùng

Hà Nội, ngày 18 tháng 08 năm 2023

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoa

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hoa

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Mẫu số B 03-DN/HN
 Ban hành theo TT số 202/2014/TT - BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2023 VND	6 tháng đầu năm 2022 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		5.979.116.486	10.327.937.072
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao Tài sản cố định và phân bổ lợi thế thương mại	02	13,14	1.201.131.788	1.184.440.806
- Các khoản dự phòng	03		384.979.610	3.648.284.800
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.992.211.468)	(3.356.860.599)
- Chi phí lãi vay	06	25	667.280.764	698.054.927
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08		6.240.297.180	12.501.857.006
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.404.226.690)	(21.835.135.268)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.650.329.443)	(3.514.505.905)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(3.318.422.669)	11.812.155.318
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.040.817.515	548.068.163
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		1.484.970.859	(38.357.450)
- Tiền lãi vay đã trả	14	25	(667.280.764)	(698.054.927)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	17	(1.098.293.543)	(165.733.238)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	31.500.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(84.350.000)	(102.900.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(456.817.555)	(1.461.106.301)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	13	(606.379.091)	-
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(4.000.000.000)	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		5.000.000.000	2.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	24,9	4.278.730.524	1.183.577.476
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		4.672.351.433	3.183.577.476

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2023 VND	6 tháng đầu năm 2022 VND
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	20	-	3.663.686.115
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	20	(1.163.814.000)	(1.163.814.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	21,19	(8.470.645.883)	(8.466.309.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(9.634.459.883)	(5.966.437.285)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(5.418.926.005)	(4.243.966.110)
Tiền và tương đương tiền tồn đầu kỳ	60	5	14.073.678.513	9.804.227.878
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ	70	5	8.654.752.508	5.560.261.768


Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Tùng

Hà Nội, ngày 18 tháng 08 năm 2023

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hoa

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hoa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Mẫu số B 09-DN/HN
Ban hành theo TT số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1575/QĐ-TC ngày 29/03/2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 24/05/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 13 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101493714) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 22/02/2023.

1.1. Lĩnh vực kinh doanh chính: Xuất bản và phát hành sách.

1.2. Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh sách giáo dục, sách khác, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh, đĩa CD và các xuất bản phẩm khác được phép lưu hành;
- Kinh doanh văn phòng phẩm;
- Mua bán đồ dùng cá nhân và gia đình;
- Mua bán máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế;
- Sản xuất, mua bán thiết bị dạy học;
- In ấn và dịch vụ liên quan đến in;
- Giáo dục và đào tạo: giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, đào tạo cao đẳng, đại học và sau đại học (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép), dịch vụ hỗ trợ;
- Xây dựng nhà, văn phòng (chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật);
- Hoạt động kinh doanh bất động sản: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ: tư vấn công nghệ, tư vấn môi trường (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán).

1.3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Các Công ty con được hợp nhất:

Công ty CP Năng lượng EBS Solar Việt Nam

- Địa chỉ trụ sở chính: Nhà D tầng 2, khu VP Vinaconex 1, 289 A Khuất Duy Tiến, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Truyền tải và phân phối điện (Chi tiết: Bán buôn, bán lẻ điện); Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Bán buôn thiết bị, vật tư phục vụ điện năng lượng mặt trời); Sản xuất điện.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 67,48%;
- Quyền biểu quyết của Công ty: 67,48%.

Công ty CP Năng lượng EBS Solar Việt Nam được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109314156 ngày 18/08/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội.

Công ty CP Năng lượng EBS Solar Phương Nam

- Địa chỉ trụ sở chính: Ấp 7, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Truyền tải và phân phối điện (Chi tiết: Bán buôn, bán lẻ điện); Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Bán buôn thiết bị, vật tư phục vụ điện năng lượng mặt trời); Sản xuất điện.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 47,23%;
- Quyền biểu quyết của Công ty: 70,00%.

Công ty CP Năng lượng EBS Solar Phương Nam được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2001335771 ngày 11/09/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Cà Mau.

Công ty CP Năng lượng EBS Solar Khánh An

- Địa chỉ trụ sở chính: Ấp 7, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Truyền tải và phân phối điện (Chi tiết: Bán buôn, bán lẻ điện); Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Bán buôn thiết bị, vật tư phục vụ điện năng lượng mặt trời); Sản xuất điện.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 47,23%;
- Quyền biểu quyết của Công ty: 70,00%.

Công ty CP Năng lượng EBS Solar Phương Nam được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2001336239 ngày 15/09/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Cà Mau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Công ty: Công ty CP Phát hành Sách giáo dục

- Địa chỉ trụ sở chính: Nhà D tầng 2, khu VP Vinaconex 1, 289 A Khuất Duy Tiến, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Xuất bản và phát hành sách.
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 21,82%.
- Quyền biểu quyết của Công ty: 21,82%.

Công ty: Công ty CP Đại Dương Solar

- Địa chỉ trụ sở chính: Ấp 7, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Truyền tải và phân phối điện (Chi tiết: Bán buôn, bán lẻ điện); Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Bán buôn thiết bị, vật tư phục vụ điện năng lượng mặt trời); Sản xuất điện.
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 33,70%.
- Quyền biểu quyết của Công ty: 49,95%.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Riêng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023 (bắt đầu từ 01/01/2023 và kết thúc vào ngày 30/06/2023).

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo quy định của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Các nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các Công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của công ty này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Các Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa Công ty mẹ và công ty con.

Việc thoái vốn của Công ty mẹ tại công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Nếu thoái vốn mà mất quyền kiểm soát thì các khoản lãi, lỗ phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Các số dư, giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty mẹ và công ty con bị loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Giá trị lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất, gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua; lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty, được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con và được trình bày là một chỉ tiêu riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần lãi và lỗ của Công ty trong công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Nếu phần lợi ích của Công ty trong khoản lỗ của Công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị ghi sổ của khoản đầu tư bị giảm tới không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ, trừ khi Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán và các công cụ tài chính khác (thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi,...) được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nếu có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ bị giảm so với giá trị ghi sổ.

Các khoản cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng đối với các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào khoản lỗ của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: Phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua.
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Thời gian khấu hao tài sản cố định hữu hình tại Công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Máy móc thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5
Tài sản cố định khác	10 - 20

4.7 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	3

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty được phân bổ vào chi phí như sau:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm.
- Chi phí bản thảo phân bổ dài hạn trong khoảng thời gian có hiệu lực của hợp đồng căn cứ vào số lượng thực tế in và tỷ lệ thầu quy định.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.9 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: Phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.10 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.11 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ phản ánh khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.14 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4.15 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.16 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: Chi phí lãi vay, chiết khấu thanh toán cho người mua, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.17 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.18 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.19 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Áp dụng mức thuế suất 10% đối với điện thương phẩm và các tấm pin năng lượng; 5% đối với các bộ đồ dùng học tập; Các mặt hàng sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp:
 - ✓ Đối với thu nhập từ hoạt động bán điện năng lượng mặt trời tại các Công ty con:
Áp dụng thuế suất 10% trong 15 năm, miễn thuế trong 4 năm đầu tiên và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ khi dự án phát sinh thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Năm 2021 là năm đầu tiên các Công ty con phát sinh doanh thu và có thu nhập chịu thuế đối với hoạt động bán điện năng lượng mặt trời.
 - ✓ Đối với thu nhập từ các hoạt động khác: Áp dụng thuế suất là 20%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4.20 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản đầu tư tài chính, phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát (trực tiếp hoặc gián tiếp) hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2023	01/01/2023
Tiền mặt	377.201.512	385.319.171
Tiền gửi ngân hàng	6.277.550.996	7.688.359.342
Tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 1 tháng	2.000.000.000	6.000.000.000
Cộng	8.654.752.508	14.073.678.513

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2023	01/01/2023
Công ty Cổ phần Phát hành Sách Giáo dục	12.318.149.207	18.935.635.147
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	396.227.337	1.081.364.837
Công ty CP Sách & TBTH Nghệ An	2.335.042.870	2.335.042.870
Công ty TNHH Dịch vụ sách Nam An	6.281.130.120	6.281.130.120
Công ty CP Đại Dương Solar	4.302.053.008	5.209.403.604
Các đối tượng khác	18.021.317.382	7.930.054.223
Cộng	43.653.919.924	41.772.630.801

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2023	01/01/2023
Công ty cổ phần Đại La	-	59.489.360
Công ty CP Khảo sát và Xây dựng công trình Thịnh Phát	185.901.173	185.901.173
Các đối tượng khác	85.750.000	89.532.136
Cộng	271.651.173	334.922.669

8. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/06/2023	01/01/2023
Công ty CP Đại Dương Solar (bên liên quan)	35.220.000.000	35.220.000.000
Cộng	35.220.000.000	35.220.000.000

➤ Cho Công ty CP Đại Dương Solar vay theo các hợp đồng vay vốn năm 2020 và được điều chỉnh bổ sung theo Hợp đồng vay vốn số 01-ESE-DD/2021/PLHĐVV ngày 01/04/2021. Số tiền cho vay theo hợp đồng là 37.220.000.000 đồng. Thời hạn cho vay là 12 tháng kể từ ngày 01/04/2021 đến ngày 01/04/2022. Ngày 01/04/2022, hai bên đã làm phụ lục số 02-ESE-DD/2022/PLHĐVV để gia hạn thời gian cho vay đến ngày 01/04/2023. Đến ngày 01/04/2023, hai bên tiếp tục làm thêm phụ lục số 02-ESE-DD/2023/PLHĐVV để gia hạn thời gian cho vay đến ngày 01/04/2024. Lãi suất cho vay là 10,2%/năm. Hợp đồng cho vay này được đảm bảo bằng thế chấp bằng tài sản hình thành từ đầu tư Nhà máy điện mặt trời của Công ty CP Đại Dương Solar tại Ấp 7, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau và Nhà máy điện mặt trời tại Thị trấn Gành Hào, Huyện Đông Hải, Tỉnh Bạc Liêu.

9. Phải thu khác

a. Ngắn hạn

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	1.100.760.766	-	2.731.084.929	-
Tạm ứng	2.160.280.797	-	2.102.689.414	-
Phải thu từ chuyển nhượng cổ phần	2.980.000.000	-	2.980.000.000	-
- Công ty CP Đại Dương Solar	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
- Các đối tượng khác	1.980.000.000	-	1.980.000.000	-
Phải thu tiền cổ tức được chia (Công ty CP Đại Dương Solar)	3.728.242.097	-	4.328.242.097	-
Cộng	9.969.283.660	-	12.142.016.440	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

b. Dài hạn

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	62.900.000	-	-	-
Cộng	62.900.000	-	-	-

10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/06/2023	01/01/2023
Dự phòng các khoản phải thu quá hạn thanh toán:	8.703.033.724	8.080.853.065
- Từ 3 năm trở lên	7.944.720.182	7.944.720.182
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	-	-
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	33.660.000	-
- Trên 6 tháng đến dưới 1 năm	724.653.542	136.132.883
Cộng	8.703.033.724	8.080.853.065

Trong đó: Nợ xấu

	30/06/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*) Thời gian quá hạn
Phải thu khách hàng	7.944.720.182	-
- DNTN Sách và VPP cuộc sống mới	751.214.823	- Trên 3 năm
- Vụ Mâm non	125.697.600	- Trên 3 năm
- Công Ty TNHH Dịch Vụ Sách Nam An	6.281.130.120	- Trên 3 năm
- Công ty CP Sách & TBTH Hà Giang	481.299.250	- Trên 3 năm
- Các đối tượng khác	305.378.389	- Trên 3 năm
Cộng	7.944.720.182	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

11. Hàng tồn kho

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	73.243.127	-	48.482.742	-
Chi phí SX, KD dở dang	6.826.299.674	-	7.946.539.220	-
Thành phẩm	10.698.019.915	1.284.675.811	7.557.350.131	1.175.306.470
Hàng hóa	2.039.221.135	249.197.778	1.434.082.315	262.513.608
Cộng	19.636.783.851	1.533.873.589	16.986.454.408	1.437.820.078

Không có hàng tồn kho dùng cầm cố, thế chấp để đảm bảo cho các khoản nợ phải trả vào ngày 30/06/2023.

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, khó tiêu thụ tại thời điểm 30/06/2023 là 3.095.401.341 đồng.

12. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	30/06/2023	01/01/2023
Chi phí thuê kho Đại La	122.914.000	122.914.000
Phí bản thảo chế bản, quản lý xuất bản	115.297.960	5.777.778
Thuế GTGT chờ kết chuyển	-	354.224.501
Chi phí khác	1.172.728	8.516.901
Cộng	239.384.688	491.433.180

b. Dài hạn

	30/06/2023	01/01/2023
Thuê dài hạn VP lô số D-2.1 dự án	8.703.062.275	8.828.889.679
Chi phí tổ chức bản thảo	-	661.033.996
Các khoản khác	3.081.841	4.989.464
Cộng	8.706.144.116	9.494.913.139

(*) Thuê dài hạn văn phòng theo Hợp đồng số 000997/2014/HĐTVP/VC1 ngày 17/09/2014 giữa Công ty và Công ty CP Xây dựng số 1 (Vinaconex 1); Thời hạn thuê là 44 năm bắt đầu từ ngày 15/10/2014; Công ty đã thanh toán toàn bộ tiền thuê với tổng số tiền đã thanh toán là 11.962.650.000 đồng (bao gồm 10% GTGT) vào năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

13. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	187.869.455	3.853.170.717	2.324.925.128	43.559.604.837	49.925.570.137
Mua trong kỳ	-	606.379.091	-	-	606.379.091
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	187.869.455	4.459.549.808	2.324.925.128	43.559.604.837	50.531.949.228
Khấu hao					
Số đầu kỳ	175.925.776	3.690.660.508	2.302.744.240	4.355.960.484	10.525.291.008
Khấu hao trong kỳ	11.943.679	82.325.221	17.872.764	1.088.990.124	1.201.131.788
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	187.869.455	3.772.985.729	2.320.617.004	5.444.950.608	11.726.422.796
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	11.943.679	162.510.209	22.180.888	39.203.644.353	39.400.279.129
Số cuối kỳ	-	686.564.079	4.308.124	38.114.654.229	38.805.526.432

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2023 là 5.855.128.937 đồng.

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình hiện đang cầm cố để đảm bảo nợ vay tại ngày 30/06/2023 là 38.114.654.229 đồng.

14. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu kỳ	63.000.000	63.000.000
Mua trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	63.000.000	63.000.000
Khấu hao		
Số đầu kỳ	63.000.000	63.000.000
Khấu hao trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	63.000.000	63.000.000
Giá trị còn lại		
Số đầu kỳ	-	-
Số cuối kỳ	-	-

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2023 là 63.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

15. Đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

STT	30/06/2023				01/01/2023			
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu niêm yết (i)	16.000	145.971.891	175.350.000	-	200.000	1.630.942.750	1.300.000.000	330.942.750
1 Công ty CP Chứng khoán VIX	7.500	53.182.916	81.000.000	-	200.000	1.630.942.750	1.300.000.000	330.942.750
2 Công ty CP Supe Phát và Hóa chất Lâm Thao	8.500	92.788.975	94.350.000	-	-	-	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết (ii)	1.250	38.357.450	20.441.525	17.915.925	1.250	38.357.450	18.129.715	20.227.735
1 Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP	1.250	38.357.450	20.441.525	17.915.925	1.250	38.357.450	18.129.715	20.227.735
Cộng	17.250	184.329.341	195.791.525	17.915.925	201.250	1.669.300.200	1.318.129.715	351.170.485

(i) Chứng khoán kinh doanh được đánh giá lại theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá giao dịch trên thị trường. Theo đó, đối với các chứng khoán hiện niêm yết tại các Sở Giao dịch chứng khoán thì giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

(ii) Chứng khoán của Tổng Công ty chăn nuôi Việt Nam – CTCP hiện đang giao dịch trên sàn Upcom. Theo đó, giá trị hợp lý của chứng khoán được xác định theo giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.

b. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

	30/06/2023		01/01/2023	
	Tỷ lệ vốn	Giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Tỷ lệ vốn	Giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Công ty CP Phát hành sách giáo dục	21,82%	7.415.974.520		7.380.707.062
Công ty CP Đại Dương Solar	49,95%	20.769.138.101		20.860.600.453
Cộng		28.185.112.621		28.241.307.515

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Số lượng Cổ phiếu	30/06/2023		01/01/2023	
			Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty CP DV XB Giáo dục Hà Nội	3,00%	75.000	750.000.000	-	750.000.000	
Công ty CP Đầu tư xuất bản - TBCGD Việt Nam	1,84%	200.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000	
Cộng			2.750.000.000	-	2.750.000.000	

Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty này có lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn. Do đó, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc và không trích lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2023	01/01/2023
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	1.897.786.137	5.018.959.237
Xí nghiệp Bản đồ 1 - CN Công ty TNHH MTV Trắc địa Bản đồ	1.036.503.467	360.840.428
Công ty CP Sản xuất và Thương mại P.P	1.967.209.343	4.782.030.763
Công ty CP Đại Dương Solar (bên liên quan)	4.040.027.733	7.042.027.733
Các đối tượng khác	4.254.274.115	5.367.880.122
Cộng	13.195.800.795	22.571.738.283

17. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	29.024.745	4.371.477	33.396.222	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.098.293.543	721.240.078	1.098.293.543	-	721.240.078
Thuế thu nhập cá nhân	-	173.807.350	414.388.754	573.577.114	-	14.618.990
Các loại thuế khác	-	-	10.000.000	10.000.000	-	-
Phí và lệ phí	-	-	8.970.000	8.970.000	-	-
Cộng	-	1.301.125.638	1.158.970.309	1.724.236.879	-	735.859.068

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2023	01/01/2023
Trích trước hoa hồng môi giới	1.289.284.147	1.559.344.465
Trích trước phí bản thảo chế bản	2.663.924.284	-
Trích trước nhuận bút và quyền tác giả	2.630.794.580	-
Các khoản trích trước khác	-	9.161.760
Cộng	6.584.003.011	1.568.506.225

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

19. Phải trả khác

a. Ngắn hạn

	30/06/2023	01/01/2023
Kinh phí công đoàn	96.170.879	73.134.917
Cổ tức phải trả	3.054.920.170	2.404.319.653
Phải trả khác	2.609.256.958	3.264.239.386
- Công ty CP Đại Dương Solar	2.547.421.640	2.261.927.826
- Các đối tượng khác	61.835.318	1.002.311.560
Cộng	5.760.348.007	5.741.693.956

b. Dài hạn

	30/06/2023	01/01/2023
Tiền ký cược của các Nhà sách	46.000.000	46.000.000
Cộng	46.000.000	46.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

20. Vay và nợ thuê tài chính

a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay dài hạn đến hạn trả	2.327.628.000	1.163.814.000	1.163.814.000	2.327.628.000
- Ngân hàng Thương mại CP Quân đội - Chi nhánh Hai Bà Trưng	2.327.628.000	1.163.814.000	1.163.814.000	2.327.628.000
Cộng	2.327.628.000	1.163.814.000	1.163.814.000	2.327.628.000

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay dài hạn	11.438.713.000	-	1.163.814.000	10.274.899.000
- Ngân hàng Thương mại CP Quân đội - Chi nhánh Hai Bà Trưng	11.438.713.000	-	1.163.814.000	10.274.899.000
Cộng	11.438.713.000	-	1.163.814.000	10.274.899.000
Trong đó:				
- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	2.327.628.000			2.327.628.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	9.111.085.000			7.947.271.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- (*) Vay vốn tại Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Hai Bà Trưng theo các Hợp đồng sau:
- Hợp đồng vay số 65579.20.065.8281646.TD ngày 23/11/2020 với tổng giá trị hợp đồng là 9,2 tỷ đồng trong thời hạn 84 tháng từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích vay: Đầu tư xây dựng hệ thống điện mặt trời mái nhà công suất < 1MW tại Ấp Tham Trôi, xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Lãi suất vay thả nổi được xác định theo văn bản nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện được ký kết giữa Công ty CP Năng lượng EBS Solar Phương Nam và Công ty điện lực địa phương, quyền sử dụng đất, công trình xây dựng/bê tông cốt thép thực hiện dự án trong suốt thời gian vay, hệ thống máy móc thiết bị điện mặt trời mái nhà hình thành từ vốn vay ngân hàng và tài sản đảm bảo khác đủ điều kiện nhận theo quy định của ngân hàng từng thời kỳ.
 - Hợp đồng vay số 66414.20.065.8273617.TD ngày 25/11/2020 với tổng giá trị hợp đồng là 9,2 tỷ đồng trong thời hạn 84 tháng từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích vay: Đầu tư xây dựng hệ thống điện mặt trời mái nhà công suất < 1MW tại Ấp Tham Trôi, xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Lãi suất vay thả nổi được xác định theo văn bản nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền (Số phát hành: CP 267302; Số vào sổ cấp GCN: CS01167), quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện được ký kết giữa Công ty CP Năng lượng EBS Solar Khánh An và Công ty điện lực địa phương, quyền sử dụng đất, công trình xây dựng/bê tông cốt thép thực hiện dự án trong suốt thời gian vay, hệ thống máy móc thiết bị điện mặt trời mái nhà hình thành từ vốn vay ngân hàng và tài sản đảm bảo khác đủ điều kiện nhận theo quy định của ngân hàng từng thời kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

21. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát
Số dư tại 01/01/2022	102.194.840.000	669.277.482	(2.116.606.556)	13.959.679.170	18.497.928.127	10.573.318.839
Tăng do hợp nhất	-	-	-	-	47.947.677	(38.165.534)
Tăng trong năm	-	-	-	117.460.721	-	910.000.000
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	12.121.497.747	-
Lãi trong năm phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	3.099.825.060
Giảm trong năm	-	-	-	-	8.823.128.561	-
Số dư tại 31/12/2022	102.194.840.000	669.277.482	(2.116.606.556)	14.077.139.891	21.844.244.990	12.724.978.365
Số dư tại 01/01/2023	102.194.840.000	669.277.482	(2.116.606.556)	14.077.139.891	21.844.244.990	12.724.978.365
Tăng trong kỳ	-	-	-	55.024.824	-	2.537.936
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	3.849.485.413	-
Lãi trong kỳ phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	1.406.279.718
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	9.286.320.872	-
Số dư tại 30/06/2023	102.194.840.000	669.277.482	(2.116.606.556)	14.132.164.715	16.407.409.531	14.133.796.019

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2023	01/01/2023
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	25.911.000.000	25.911.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	73.744.840.000	73.744.840.000
Cổ phiếu quỹ	2.539.000.000	2.539.000.000
Cộng	102.194.840.000	102.194.840.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

c. Cổ phiếu

	30/06/2023	01/01/2023
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.219.484	10.219.484
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.219.484	10.219.484
- Cổ phiếu phổ thông	10.219.484	10.219.484
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	253.900	253.900
- Cổ phiếu phổ thông	253.900	253.900
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.965.584	9.965.584
- Cổ phiếu phổ thông	9.965.584	9.965.584
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	6 tháng đầu năm 2023	Năm 2022
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	21.844.244.990	18.497.928.127
Điều chỉnh do hợp nhất		47.947.677
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	3.849.485.413	12.121.497.747
Phân phối lợi nhuận	9.286.320.872	8.823.128.561
Phân phối lợi nhuận kỳ trước (*)	9.286.320.872	8.823.128.561
- Quỹ đầu tư phát triển	55.024.824	117.460.721
- Chia cổ tức	9.121.246.400	8.470.746.400
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng BĐH	110.049.648	234.921.440
Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	16.407.409.531	21.844.244.990

(*) Công ty phân phối lợi nhuận năm 2022 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/SGDHN ngày 18/04/2023.

e. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông ngày 18/04/2023 đã thông qua tỷ lệ cổ tức năm 2022 là 8,5%. Công ty đã chi trả số cổ tức này trong 6 tháng đầu năm 2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
Doanh thu sách tham khảo	38.065.278.424	60.255.032.275
Doanh thu thiết bị giáo dục	-	7.314.286
Doanh thu bán vật tư	40.330.983	-
Doanh thu bán điện mặt trời	5.414.286.586	5.799.581.246
Cộng	43.519.895.993	66.061.927.807

23. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
Giá vốn sách tham khảo	28.007.589.757	42.547.604.751
Giá vốn thiết bị giáo dục	-	6.445.714
Giá vốn bán vật tư	41.217.300	-
Giá vốn hoạt động bán điện mặt trời	1.137.398.106	1.065.399.984
Trích lập/ (Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	96.053.511	4.095.293.181
Cộng	29.282.258.674	47.714.743.630

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.958.406.361	1.860.678.955
Cổ tức, lợi nhuận được chia	90.000.000	1.242.000.000
Lãi do mua bán chứng khoán	419.587.166	-
Lãi bán hàng trả chậm	200.626.976	353.194.726
Cộng	2.668.620.503	3.455.873.681

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

25. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
Chi phí lãi vay	667.280.764	698.054.927
Chi phí mua bán chứng khoán	3.619.332	531.763
Lãi mua hàng trả chậm	285.493.814	117.352.068
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(333.254.560)	9.774.664
Cộng	623.139.350	825.713.422

26. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
Chi phí nhân viên bán hàng	4.380.436.784	4.522.707.985
Chi phí vận chuyển sách, bốc xếp	98.051.623	322.345.019
Chi phí thuê kho	374.559.770	204.545.454
Chi phí khác	1.670.282.073	2.402.337.310
Cộng	6.523.330.250	7.451.935.768

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
Chi phí nhân viên quản lý	1.801.234.230	2.828.792.073
Khấu hao TSCĐ	29.816.443	67.954.152
Chi phí khác	1.196.850.514	1.022.817.649
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	622.180.659	(456.783.045)
Cộng	3.650.081.846	3.462.780.829

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

27. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.979.116.486	10.327.937.072
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	828.419.066	(601.900.352)
Điều chỉnh tăng	862.224.173	911.352.006
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	81.500.000	97.800.000
+ Tiền phạt thuế, tiền phạt vi phạm hành chính	-	44.073.593
+ Lỗi tính thuế tại Công ty con	778.590.882	764.744.113
+ Lỗi nội bộ đã thực hiện	2.133.291	4.734.300
Điều chỉnh giảm	33.805.107	1.513.252.358
+ Lãi/lỗ đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	(56.194.893)	254.181.644
+ Cổ tức được nhận	90.000.000	1.242.000.000
+ Lỗi nội bộ chưa thực hiện	-	17.070.714
Tổng thu nhập chịu thuế	6.807.535.552	9.726.036.720
Tổng thu nhập tính thuế	6.807.535.552	9.726.036.720
+ Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh (không được hưởng ưu đãi)	3.606.200.390	5.910.113.698
+ Thu nhập từ bán điện năng lượng mặt trời (được hưởng ưu đãi)	3.201.335.162	3.815.923.022
Thuế TNDN phải nộp	721.240.078	1.182.022.739
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	721.240.078	1.182.022.739

28. Lãi cơ bản suy giảm trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	3.849.485.413	6.795.894.956
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	(65.579.427)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	-	65.579.427
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.849.485.413	6.730.315.529
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	9.965.584	9.965.584
Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu	386	675

- Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2022 được trình bày lại theo số liệu trích Quỹ khen thưởng phúc lợi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 18/04/2023 thông qua.
- Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 ngày 18/04/2023 không quy định cụ thể về việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2022; Do đó, chỉ tiêu lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu 2023 chưa loại trừ ảnh hưởng của việc trích lập các quỹ này (nếu có).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

29. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.063.161.240	11.441.185.433
Chi phí nhân công	6.179.537.723	7.346.765.758
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.201.131.788	1.184.440.806
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.419.148.920	28.523.162.807
Chi phí khác bằng tiền	2.622.376.479	3.250.002.581
Cộng	34.485.356.150	51.745.557.385

30. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong hai lĩnh vực kinh doanh chính là kinh doanh các sản phẩm giáo dục, kinh doanh pin năng lượng mặt trời, máy biến áp và kinh doanh điện năng mặt trời với một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh được trình bày như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI TP HÀ NỘI

Nhà D tầng 2 khu VP Vinacorex 1, 289A Khuất Duy Tiến

P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực KD	Hoạt động kinh doanh các sản phẩm giáo dục		Hoạt động kinh doanh pin năng lượng mặt trời, máy biến áp		Hoạt động kinh doanh điện năng lượng mặt trời		Loại trừ		Tổng cộng	
	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
Doanh thu bộ phận	38.029.352.227	60.204.689.561	-	-	5.414.286.586	5.799.581.246	-	-	43.443.638.813	66.004.270.807
Chi phí bộ phận	38.050.318.478	57.163.571.555	219.498.640	349.784.920	1.183.720.361	1.111.369.452	2.133.291	4.734.300	39.455.670.770	58.629.460.227
Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh	(20.966.251)	3.041.118.006	(219.498.640)	(349.784.920)	4.230.566.225	4.688.211.794	(2.133.291)	(4.734.300)	3.987.968.043	7.374.810.580
Chi phí tài chính	(329.635.228)	54.267.696	2.618.654.795	2.708.638.946	1.029.910.333	872.607.368	(2.695.790.550)	(2.809.800.588)	623.139.350	825.713.422
Doanh thu tài chính	4.653.669.230	2.955.605.206	2.059.562.553	3.309.750.467	679.270	318.596	(4.045.290.550)	(2.809.800.588)	2.668.620.503	3.455.873.681
Lãi/(lỗ) từ hoạt động tài chính	4.983.304.458	2.901.337.510	(559.092.242)	601.111.521	(1.029.231.063)	(872.288.772)	(1.349.500.000)	-	2.045.481.153	2.630.160.259
Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	-	-	-	-	-	-	-	-	(56.194.893)	254.181.644
Thu nhập khác	1.863.433	112.858.182	-	-	-	-	-	-	1.863.433	112.858.182
Chi phí khác	1.250	44.073.593	-	17.070.714	-	-	-	(17.070.714)	1.250	44.073.593
Lãi/(lỗ) từ hoạt động khác	1.862.183	68.784.589	-	(17.070.714)	-	-	-	-	1.862.183	68.784.589
Lợi nhuận trước thuế									5.979.116.486	10.327.937.072
Chi phí thuế TNDN hiện hành									721.240.078	1.182.022.739
Chi phí thuế TNDN hoãn lại									(426.659)	2.467.283
Lợi nhuận sau thuế TNDN									5.258.303.067	9.143.447.050
Tài sản ngắn hạn	117.025.141.983	121.145.761.820	54.105.918.065	57.319.260.111	2.349.464.553	2.877.977.994	(63.804.990.463)	(64.887.872.791)	109.675.534.138	116.455.127.134
Tài sản dài hạn	28.094.723.506	28.322.314.188	26.980.000.000	26.980.000.000	38.117.736.070	39.208.633.817	(14.682.776.407)	(14.624.448.222)	78.509.683.169	79.886.499.783
Tổng tài sản	145.119.865.489	149.468.076.008	81.085.918.065	84.299.260.111	40.467.200.623	42.086.611.811	(78.487.766.870)	(79.512.321.013)	188.185.217.307	196.341.626.917
Nợ ngắn hạn	22.779.172.387	22.789.547.170	59.731.295.822	60.166.046.986	16.064.165.177	19.721.097.527	(63.804.990.463)	(64.887.872.791)	34.769.642.923	37.788.818.892
Nợ dài hạn	46.000.000	46.000.000	-	-	7.947.271.000	9.111.085.000	1.422.193	1.848.852	7.994.693.193	9.158.933.852
Tổng nợ	22.825.172.387	22.835.547.170	59.731.295.822	60.166.046.986	24.011.436.177	28.832.182.527	(63.803.568.270)	(64.886.023.939)	42.764.336.116	46.947.752.744
Khấu hao	110.008.373	140.507.132	-	6.388.888	1.088.990.124	1.032.810.486	2.133.291	4.734.300	1.201.131.788	1.184.440.806

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

31. Quản lý rủi ro

Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro lãi suất, rủi ro về tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh từ các khoản vay đã ký kết với các Ngân hàng. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng hóa, nguyên liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc biến động giá. Tuy nhiên, nhà cung cấp là các Công ty thành viên của Nhà xuất bản, đặc thù của lĩnh vực giáo dục là giá mua vào ổn định, ít biến động. Với lĩnh vực điện năng lượng mặt trời có đặc điểm là chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng nhỏ trong hoạt động sản xuất của Công ty cộng với chính sách quản lý về giá như trên, Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro biến động về giá ngoài dự tính của Công ty ở mức rất thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty chủ yếu là các công ty trong hệ thống Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam và các Công ty Điện lực. Đây là các khách hàng truyền thống, phát sinh giao dịch thường xuyên, khả năng thanh toán kịp thời. Đối với các khoản nợ quá hạn thanh toán Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi để có nguồn bù đắp.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

30/06/2023	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	13.195.800.795	-	13.195.800.795
Chi phí phải trả	6.584.003.011	-	6.584.003.011
Vay và nợ thuê tài chính	2.327.628.000	7.947.271.000	10.274.899.000
Phải trả khác	5.664.177.128	46.000.000	5.710.177.128
Cộng	27.771.608.934	7.993.271.000	35.764.879.934

01/01/2023	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	22.571.738.283	-	22.571.738.283
Chi phí phải trả	1.568.506.225	-	1.568.506.225
Vay và nợ thuê tài chính	2.327.628.000	9.111.085.000	11.438.713.000
Phải trả khác	5.668.559.039	46.000.000	5.714.559.039
Cộng	32.136.431.547	9.157.085.000	41.293.516.547

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

30/06/2023	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.654.752.508	-	8.654.752.508
Đầu tư tài chính	166.413.416	2.750.000.000	2.916.413.416
Phải thu khách hàng	34.950.886.200	-	34.950.886.200
Phải thu về cho vay	35.220.000.000	-	35.220.000.000
Phải thu khác	7.809.002.863	62.900.000	7.871.902.863
Cộng	86.801.054.987	2.812.900.000	89.613.954.987

01/01/2023	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.073.678.513	-	14.073.678.513
Đầu tư tài chính	2.318.129.715	2.750.000.000	5.068.129.715
Phải thu khách hàng	33.691.777.736	-	33.691.777.736
Phải thu về cho vay	35.220.000.000	-	35.220.000.000
Phải thu khác	10.039.327.026	-	10.039.327.026
Cộng	95.342.912.990	2.750.000.000	98.092.912.990

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

32. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam")	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Đơn vị phụ thuộc của công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh	Cùng Chủ tịch HĐQT là Ông Ngô Trọng Vinh
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Cùng thành viên HĐQT là Ông Tô Thanh Bình
Công ty CP Phát hành Sách Giáo dục	Công ty liên kết
Công ty CP Đại Dương Solar	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư CMC	Cùng Chủ tịch HĐQT là Ông Ngô Trọng Vinh

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
Mua hàng			
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Quản lý xuất bản	1.295.929.500	2.220.995.600
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Mua sách tham khảo	6.027.639.895	7.725.905.900
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh	Mua sách tham khảo	-	430.340.700
	Mua xe	650.000.000	-
Công ty CP Phát hành Sách Giáo dục	Tổ chức bàn thảo	3.094.425.000	7.270.150.000
Bán hàng			
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Cung ứng sách	6.539.814.250	9.331.417.390
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh	Cung ứng sách	164.862.500	485.771.300
Công ty CP Phát hành Sách Giáo dục	Cung ứng sách	11.476.939.060	25.927.064.850
Giao dịch khác			
Công ty CP Đại Dương Solar	Thu tiền cho vay	-	2.000.000.000
	Lãi cho vay	1.781.456.546	1.856.209.972
	Lãi bán hàng trả chậm	200.626.976	353.194.726
	Cổ tức được chia	-	999.000.000
	Lãi mua hàng trả chậm	285.493.814	117.352.068
Công ty CP Đầu tư CMC	Cho vay	4.000.000.000	-
	Thu tiền cho vay	4.000.000.000	-
	Lãi cho vay	89.219.178	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

c. Số dư với bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán

	Khoản mục	30/06/2023	01/01/2023
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Phải thu khách hàng	396.227.337	1.081.364.837
Công ty CP Phát hành Sách Giáo Dục	Phải thu khách hàng	12.318.149.207	18.935.635.147
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Phải trả người bán	-	1.200.541.750
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Phải trả người bán	682.169.500	6.240.000
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam	Phải trả người bán	111.195.000	102.195.000
Công ty CP Đại Dương Solar	Phải thu khách hàng	4.302.053.008	5.209.403.604
	Phải thu về cho vay	35.220.000.000	35.220.000.000
	Phải thu khác	5.829.002.863	8.059.327.026
	Phải trả người bán	4.040.027.733	7.042.027.733
	Phải trả khác	4.926.747.103	4.641.253.289

d. Thu nhập của các thành viên chủ chốt

Bên liên quan	Chức danh	Thu nhập, thù lao	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
Ông Ngô Trọng Vinh	Chủ tịch HĐQT	Thù lao	21.000.000	21.000.000
	Phó Tổng Giám đốc	Lương, thưởng	60.659.950	74.635.337
Ông Ngô Anh Phương	Phó chủ tịch HĐQT	Thù lao	16.800.000	16.800.000
Bà Ngô Phương Anh	Ủy viên HĐQT	Thù lao	15.000.000	15.000.000
Bà Lâm Quỳnh Hương	Ủy viên HĐQT	Thù lao	15.000.000	15.000.000
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Ủy viên HĐQT	Thù lao	15.000.000	15.000.000
	Tổng Giám đốc	Lương, thưởng	241.447.110	345.444.103
Ông Tô Thanh Bình	Ủy viên HĐQT	Thù lao	15.000.000	15.000.000
Bà Ngô Thị Thanh Huyền	Ủy viên HĐQT	Thù lao	15.000.000	15.000.000
Bà Đặng Thị Như	Phó Tổng Giám đốc	Lương, thưởng	102.432.000	90.764.000
Ông Nguyễn Trọng Hà	Trưởng Ban Kiểm soát	Thù lao	9.000.000	9.000.000
Ông Trần Văn Quế	Ủy viên Ban kiểm soát	Thù lao	6.000.000	6.000.000
Bà Nguyễn Thị Mai	Ủy viên Ban kiểm soát	Thù lao	2.400.000	-
Bà Lý Thúy Lan	Ủy viên Ban kiểm soát	Thù lao	3.600.000	6.000.000
Bà Nguyễn Thị Hoa	Kế toán trưởng	Lương, thưởng	175.445.685	228.447.078
	Thư ký	Thù lao	6.000.000	6.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

33. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

34. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022. Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022. Các báo cáo tài chính này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC.



Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Tùng

Hà Nội, ngày 18 tháng 08 năm 2023

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoa

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hoa

